

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TN  
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/DS-ST  
Ngày: 11-9-2019  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Phước Hòa;
2. Ông Nguyễn Văn Mừng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 127, Đường NMC, Khu phố X, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh TN (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lý Thị M, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 40 (Số cũ 15/32A), Đường T, khu phố HT, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 28-3-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:* Ngày 14-9-2018, bà Lý Thị M và ông Phạm Công H có mượn bà Nguyễn Thị Y số tiền 20.000.000 đồng, có làm giấy nhận nợ cho bà Y nhưng trong giấy nhận nợ chỉ có bà M ký tên vì khi mượn tiền bà M nói ông H bận việc, không có nhà nên không có ông H ký tên. Khi bà M mượn

tiền của bà Y có thỏa thuận miệng phải trả lãi cho bà Y với mức lãi suất 1,5%/tháng (tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng là 300.000 đồng/ tháng), thời hạn vay từ 14-9-2018 đến ngày 13-3-2019 sẽ trả hết số tiền đã mượn của bà Y. Tuy nhiên bà M chỉ trả tiền lãi cho bà Y được 04 tháng với số tiền 1.200.000 đồng rồi ngưng từ tháng 01-2019 cho đến nay không tiếp tục trả lãi cho bà Y. Đến hạn trả nợ là ngày 13-3-2019 bà M cũng không trả cho bà Y số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Tại đơn khởi kiện ngày 28-3-2019, bà Y yêu cầu bà Lý Thị M và ông Phạm Công H trả cho bà Y số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, ngày 07-6-2019, bà Y xác định không yêu cầu ông H liên đới trả số tiền 20.000.000 đồng mà chỉ yêu cầu bà M trả số tiền 20.000.000 đồng vì bà M là người trực tiếp ký nhận nợ của bà Y. Nay bà Y xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bà M trả cho bà Y số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lý Thị M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Tại Bản tự khai ngày 18-4-2019, bà Lý Thị M trình bày: Bà Lý Thị M không có mối quan hệ thân thích gì với bà Nguyễn Thị Y. Vào năm 2018, gia đình bà M có mua vườn măng cầu trái để bán kiếm lời sinh hoạt cho gia đình nên có nhu cầu vay tiền. Ngày 14-9-2018, bà M có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần KL – Chi nhánh TN số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 180 ngày, bắt đầu trả từ ngày 15-9-2018 đến ngày 13-3-2019, mỗi ngày góp 132.000 đồng. Bà M đã góp được 110 ngày, tổng số tiền là 14.520.000 đồng thì ngưng do bà M bị tai nạn. Hiện bà M chỉ còn nợ lại Ngân hàng 70 ngày số tiền là 5.480.000 đồng. Bà M biết bà Y vì bà Y là người trực tiếp làm hồ sơ vay của bà M. Ngày 14-9-2018, bà Y có đưa cho bà M một giấy nhận nợ nói bà M ký tên nhận nợ của Ngân hàng nên bà M không đọc lại nội dung giấy nhận nợ. Bà M xác định bà có ký tên vào giấy nhận nợ ngày 14-9-2018 mà bà Y cung cấp cho Tòa án, bà M xác định đó là chữ ký, chữ viết của bà M nhưng bà M không có vay số tiền 20.000.000 đồng của bà Y và cũng không có thỏa thuận mỗi tháng sẽ trả tiền lãi cho bà Y với mức lãi suất 1,5%/tháng (tương đương 300.000 đồng/ tháng) như bà Y trình bày. Do thời gian bà M vay tiền của Ngân hàng KL cùng thời gian của giấy nhận nợ nên bà M tưởng giấy nhận nợ của Ngân hàng nên mới ký tên vào giấy nợ. Bà M xác định không có nợ bà Y nên không đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà Y.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu quan điểm về vụ án:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 đề nghị Hội đồng

xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Buộc bà Lý Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, ghi nhận bà Y không yêu cầu tính lãi. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Bà Nguyễn Thị Y có yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” với bà Lý Thị M cư trú tại khu phố HT, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bà M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

Bà Y khởi kiện yêu cầu bà M trả trả số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng. Bà Y cung cấp chứng cứ là bản chính Giấy nhận nợ đề ngày 14-9-2018 (Bút lục số 24). Quá trình giải quyết vụ án, bà M thừa nhận bà có ký tên vào giấy nhận nợ ngày 14-9-2018 mà bà Y cung cấp cho Tòa án, bà M xác định đó là chữ ký, chữ viết của bà M. Như vậy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M cho rằng việc bà ký vào giấy nhận nợ vì vào ngày 14-9-2018 bà Y có đưa cho bà M một giấy nhận nợ nói bà M ký tên nhận nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần KL – Chi nhánh TN, do thời gian bà M vay tiền của Ngân hàng KL cùng thời gian của giấy nhận nợ bà Y cung cấp nên bà M tưởng là giấy nhận nợ của Ngân hàng nên bà mới ký tên vào giấy nợ mà không đọc lại nội dung giấy nhận nợ, bà M xác định không có nợ số tiền 20.000.000 đồng của bà Y. Hội đồng xét xử xét thấy, bà M là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Việc bà M ký vào giấy nhận nợ là đồng nghĩa với việc bà chấp nhận toàn bộ nội dung trong giấy nhận nợ. Do vậy lý do này của bà M đưa ra không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, bà M cũng không cung cấp cho Tòa án được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho các lời trình bày của bà M nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà M vay số tiền 20.000.000 đồng của bà Y là có thật và giao dịch giữa các bên là tự nguyện. Theo

giấy nhận nợ ngày 14-9-2018, bà M cam kết với bà Y từ ngày 14-9-2018 đến ngày 13-3-2019 sẽ hoàn tất số tiền đã mượn nhưng đến hết hạn trả nợ bà M không thực hiện đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y. Do đó, ngày 28-3-2019, bà Y khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Ghi nhận bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu tính lãi.

[4] Đối với ông Phạm Công H: Tại đơn khởi kiện ngày 28-3-2019, bà Y yêu cầu bà Lý Thị M và ông Phạm Công H trả cho bà Y số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, ngày 07-6-2019, bà Y xác định không khởi kiện yêu cầu ông H liên đới trả số tiền 20.000.000 đồng mà chỉ khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền 20.000.000 đồng vì bà M là người trực tiếp ký nhận nợ của bà Y.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 147, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y đối với bà Lý Thị M về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lý Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Ghi nhận bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lý Thị Mười phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) bà Y

đã nộp theo biên lai thu số 0006772 ngày 28-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Đặng Thị Ngọc Dung**